TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2026
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Ngọc Ny

2. Bà Bùi Thị Cẩm

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Công Bình, là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 128/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm 1979; địa chỉ: Thôn V, xã K, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn C, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn V, xã K, tỉnh Quảng Ngãi.

Bà Y và ông C đều vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2025; đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 20/10/2025; biên bản lấy lời khai ngày 27/02/2026, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:

Bà và ông Trần Văn C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã K, tỉnh Quảng Ngãi) ngày 29/01/2008.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Hiện nay, bà và ông Cư đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Văn C.

- Về con chung: Bà và ông Trần Văn C có 01 con chung là Trần Thành L, sinh ngày 30/7/2009. Khi ly hôn, bà yêu cầu giao con chung Trần Thành L cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu ông Trần Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Trần Thành L mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/12/2025, bị đơn ông Trần Văn C trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị Y kết hôn vào ngày 29/01/2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã K, tỉnh Quảng Ngãi). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra cãi vã nhưng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn. Hiện nay, ông vẫn còn tình cảm với bà Y, nhưng nếu bà Y vẫn cương quyết ly hôn thì ông đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông và bà Nguyễn Thị Y có 01 con chung là Trần Thành L, sinh ngày 30/7/2009. Trường hợp bà Y vẫn cương quyết ly hôn thì ông đồng ý giao cháu L cho bà Y nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi tại phiên tòa:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y được ly hôn ông Trần Văn C; về con chung: Giao con chung Trần Thành L cho bà Nguyễn Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông Trần Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Trần Thành L mỗi tháng 2.000.000đồng cho

đến khi con chung đủ 18 tuổi; về tài sản chung: Bà Y và ông C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: Bà Y và ông C trình bày không có nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Y khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Trần Văn C. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn ông Trần Văn C có nơi cư trú tại Thôn V, xã K, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y và bị đơn ông Trần Văn C đều vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Y và ông Trần Văn C tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phổ Cường, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã K, tỉnh Quảng Ngãi) ngày 29/01/2008. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Y và ông Trần Văn C là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Y, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng bà Y, ông C chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên bà Y và ông C đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã nhiều lần động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng bà Y vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông C trình bày vẫn còn tình cảm với bà Y nhưng nếu bà Y Cương quyết ly hôn thì ông C cũng đồng ý ly hôn.

Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị Y và ông Trần Văn C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ

quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị Y.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các bên đương sự, có căn cứ xác định: Bà Nguyễn Thị Y và ông Trần Văn C có có 01 con chung là Trần Thành L, sinh ngày 30/7/2009. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Y yêu cầu giao con chung cho bà trực tiếp nuôi.

Xét yêu cầu về nuôi con của bà Y, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện nay cháu Trần Thành L đang sống cùng với bà Y và do bà Y trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn C cũng đồng ý giao con chung cho bà Y nuôi dưỡng nếu bà Y cương quyết ly hôn. Ngoài ra, cháu Trần Thành L cũng có văn bản trình bày nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đáp ứng theo nguyện vọng của cháu L, cũng như để đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho con chung của bà Y và ông C, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con của bà Nguyễn Thị Y, giao con chung Trần Thành L cho bà Y trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Y yêu cầu ông Trần Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và ông Trần Văn C cũng đồng ý cấp dưỡng cho con mỗi tháng 2.000.000đồng theo yêu cầu của bà Y. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y về cấp dưỡng cho con, buộc ông Trần Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chung Trần Thành L mỗi tháng 2.000.000đồng.

[2.4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Y và ông Trần Văn C không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Y và ông Trần Văn C trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Y đã nộp sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí bà Y phải chịu.

Ông Trần Văn C phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng theo định kỳ.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, các điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y được ly hôn ông Trần Văn C.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Y và ông Trần Văn C có 01 con chung là Trần Thành L, sinh ngày 30/7/2009. Giao con chung Trần Thành L cho bà Nguyễn Thị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông Trần Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con: Ông Trần Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Trần Thành L mỗi tháng 2.000.000đồng (hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng cho con được tính từ ngày tuyên án (ngày 31/3/2026) cho đến khi con chung Trần Thành L đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Y và ông Trần Văn C không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Y và ông Trần Văn C trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Y phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí bà Y đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002160 ngày 10/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi sẽ được khấu trừ vào số tiền án phí bà Y phải chịu.

Ông Trần Văn C phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng theo định kỳ.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

8. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND KV 6 – Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã K;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Phong